

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Đình Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thê; Ông Bùi Văn Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2020/TLST - HNGĐ, ngày 02/7/2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09/9/2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 18/TB – TA ngày 22/10/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Hoàng Xuân S**, S năm 1965; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

Bị đơn: **Bà Hoàng Thị M**, S năm 1966; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Trung Quốc. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, ông Hoàng Xuân S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị M kết hôn với nhau vào ngày 24/6/1986 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh, việc kết hôn được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài, đến đầu năm 2008 bắt đầu phát S mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, cũng năm này bà Hoàng Thị M bỏ đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc, ông đã nhiều lần tìm cách liên lạc với bà để mong bà trở về đoàn tụ nhưng đều không thành. Do khoảng cách về địa lý xa xôi, vợ chồng không thường xuyên liên lạc để cùng chia sẻ, hàn gắn những mâu thuẫn trước đó, nên mâu thuẫn ngày càng nhiều và tình cảm vợ chồng phai nhạt, lâu dần không còn quan tâm gì với nhau nữa. Ông

S hiện không rõ địa chỉ cụ thể của bà M tại Trung Quốc, hiện tại ông xác định không còn tình cảm gì, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, ông và bà M có 03 con chung là Hoàng Thị T, S ngày 27/4/1988, Hoàng Văn T, S ngày 09/11/1990, Hoàng Ngọc T, S ngày 20/9/1994. Hiện các con đã trưởng thành tự chăm lo trang trải cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân S. Xử cho ông Hoàng Xuân S được ly hôn với bà Hoàng Thị M; Về con chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Hoàng Thị M hiện đang lao động tự do tại Trung Quốc không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 8599/QLXNC - P5, ngày 12/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Bà Hoàng Thị M, S ngày 18/7/1966 đã xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 03/10/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Toà án đã tiến hành xác minh qua người thân của bà Hoàng Thị M là anh Hoàng Văn T và chị Phan Thị H (là con trai và con dâu của bà). Tại Biên bản xác minh anh Hoàng Văn T và chị Phan Thị H đều cho biết: Bà Hoàng Thị M đi lao động tại Trung Quốc từ năm 2008 lại nay, lý do bà bỏ đi lao động là vì giữa bà và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông S có người phụ nữ khác nên đã nhiều lần đánh đập bà. Khi Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án anh Hoàng Văn T đã nhận và thông báo lại nội dung cho bà M, cụ thể quan điểm ý kiến của bà về yêu cầu khởi kiện của ông S như thế nào anh không nắm rõ, anh đề nghị Tòa án trực tiếp trao đổi với bà qua điện thoại. Tòa án nhân dân tỉnh đã tiến hành điện thoại thông qua ứng dụng zalo mang tên “*Các con là niềm hạnh phúc của mẹ*” qua điện thoại để kết nối với bà Hoàng Thị M có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Bà Hoàng Thị M nhận điện thoại và cho biết bà đã biết việc ông Hoàng Xuân S làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn đối với bà. Bà thừa nhận thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng, quan hệ con chung đúng như ông S đã trình bày. Bà kết hôn với ông S vào ngày 24/6/1986 tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Phú, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh. Giữa ông và bà có 03

con chung là Hoàng Thị T, S năm 1988, Hoàng Văn T, S năm 1990, Hoàng Ngọc T, S năm 1994. Bà cho biết thêm về nguyên nhân của việc bà bỏ đi lao động tại Trung Quốc không về là vì giữa bà và ông Hoàng Xuân S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông S có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác và đã có con riêng hơn 7 tuổi nên nhiều lần về nhà đánh đập bà. Bà khẳng định đến thời điểm này thì bà không còn tình cảm gì với ông S nữa nhưng bà không đồng ý ly hôn vì giữa ông và bà đang còn tài sản chung. Bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông S để lại toàn bộ tài sản chung cho bà và các con. Nếu không, Tòa án không được giải quyết ly hôn vì bà không có lỗi lầm gì.

Hiện tại, bà đang lao động tự do tại Trung Quốc nên không thể về Việt Nam tham gia quá trình giải quyết vụ án cũng như về tham dự phiên tòa, vì lao động tự do thường xuyên thay đổi công việc nên bà cũng không thể cung cấp địa chỉ cụ thể của bà tại Trung Quốc; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cũng đã hai lần tổng đạt hai văn bản số 35/CV – TA ngày 17/7/2020 (lần 1) và văn bản số 42/Cv – TA ngày 04/8/2020 (lần 2) trực tiếp cho anh Hoàng Văn T và chị Phan Thị H về việc cung cấp địa chỉ cư trú của bà Hoàng Thị M tại Đài Loan để Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ gia đình. Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị M theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Xuân S và bà Hoàng Thị M đều trình bày vợ chồng có kết hôn với nhau vào ngày 24/6/1986 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, do quá trình nhiều lần chuyển chỗ ở nên đã làm thất lạc Giấy đăng ký kết hôn. Hiện ông Hoàng Xuân S không còn giấy đăng ký kết hôn để giao nộp cho Tòa án và cũng không có tài liệu giấy tờ gì để chứng minh là ông bà có đăng ký kết hôn. Theo văn bản xác nhận số 01/GXN/UBND – TP ngày 21/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận ông Hoàng Xuân S, bà Hoàng Thị M là vợ chồng vì qua phản ánh các hồ sơ ông Hoàng Xuân S cung cấp như giấy khai S các con, sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều có tên vợ chồng là Hoàng Xuân S, Hoàng Thị M. Nhưng hồ sơ đăng ký kết hôn năm 1986 thì UBND xã không lưu trữ được nữa. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định ông Hoàng Xuân S và bà Hoàng Thị M đã chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 (ngày luật Hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực) nhưng bị mất giấy đăng ký kết hôn, UBND xã nơi đăng ký kết hôn không còn lưu trữ thì được xem như chưa đăng ký kết hôn và theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì: *“Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu*

lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000". Như vậy, quan hệ chung sống với nhau giữa ông S và bà M được pháp luật thừa nhận, điều chỉnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn, theo ông S và các con trình bày thì bà M bỏ đi xuất khẩu lao động tại Trung Quốc từ năm 2008 nhưng theo Công văn số 8599/QLXNC - P5, ngày 12/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Bà Hoàng Thị M, S ngày 18/7/1966 đi lao động tại nước ngoài bắt đầu từ 16/5/2004. Ông S đã nhiều lần tìm cách liên lạc với bà để mong bà trở về đoàn tụ nhưng đều không thành. Cũng từ đây vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau, lâu dần tình cảm không còn. Ông Hoàng Xuân S làm đơn ly hôn bà Hoàng Thị M không đồng ý, bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông S để lại toàn bộ tài sản chung của ông bà cho các con. Qua nội dung xác minh tại các buổi làm việc có sự chứng kiến của chính quyền địa phương khẳng định rằng: Hôn nhân giữa ông S và bà M đã trải qua một quá trình mâu thuẫn dài trước khi bà M bỏ đi lao động tại Trung Quốc. Bà M cũng như các con của bà đều khẳng định tại thời điểm sống cùng nhau ở nhà giữa bà M và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông S có người phụ nữ khác, đã có con riêng, nhiều lần về nhà đánh đập bà nên bà mới bỏ đi nước ngoài làm ăn. Tính khoảng thời gian từ năm 2004 (theo Công văn Cục quản lý xuất nhập cảnh) thì bà M đã bỏ đi lao động tại nước ngoài đến nay đã hơn 16 năm, bà chỉ về Việt Nam 5 lần và mỗi lần vài ngày, các lần về này bà đều dấu không cho ông S biết, không nói chuyện hay có bất kỳ quan hệ gì với ông S, điều này một lần nữa khẳng định hôn nhân giữa ông S và bà M chỉ tồn tại về mặt hình thức còn mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, hai bên không còn quan tâm gì tới nhau hơn 10 năm nay.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng cuộc hôn nhân của ông S và bà M không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 quy định "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*". Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Xuân S xử cho ông được ly hôn bà Hoàng Thị M để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống giữa ông Hoàng Xuân S và bà Hoàng Thị M có 03 con chung là Hoàng Thị T, S ngày 27/4/1988, Hoàng Văn T, S ngày 09/11/1990, Hoàng Ngọc T, S ngày 20/9/1994. Hiện các con đã đủ tuổi trưởng thành tự chăm lo trang trải cuộc sống nên Tòa miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung nợ chung: Ông Hoàng Xuân S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại các buổi làm việc, bà Hoàng Thị M có ý kiến khi giải quyết ly

hôn phải giải quyết tài sản chung vợ chồng và bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông S để lại toàn bộ tài sản chung vợ chồng cho ba con chung, đây thực chất là yêu cầu gây khó khăn cho việc ly hôn. Vì khi Tòa án yêu cầu bà Hoàng Thị M gửi về các văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung thì bà không hợp tác, Tòa án yêu cầu bà cung cấp địa chỉ để thực hiện việc ủy thác bà cũng không cung cấp. Vì vậy, cần tách yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác khi bà Hoàng Thị M về Việt Nam là vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Nên trong vụ án này Tòa án sẽ không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 85, 89, 91, 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Công văn số 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Xuân S được ly hôn với bà Hoàng Thị M.

2. Về án phí: Buộc ông Hoàng Xuân S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000041 ngày 02/7/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đình Thông